

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2025/DS-PT

Ngày: 31/12/2025

V/v: “*Tranh chấp đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Yên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2025/TLPT-DS, ngày 24/11/2025 về việc “*Tranh chấp đất đai*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 696/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: 220 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, TP. Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Đồng Văn T, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 220 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, TP. Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 516.590m², tọa lạc tại xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, nay là xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng là do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp Giấy chứng nhận số V 211830 ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P.

Ngày 24/3/2018, gia đình ông Bùi P chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Nguyễn Cảnh H, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Hàm Thuận Nam công chứng số 583, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐCC. Sau khi nhận chuyển nhượng, Ông H đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan Nhà nước. Ông H cho rằng, việc ông nhận chuyển nhượng đất là hợp pháp, ngay tình, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân xác nhận ngày 20/4/2018 nên có hiệu lực pháp luật.

Khi tiến hành nhận bàn giao đất thì ông phát hiện ông Đồng Văn T chiếm dụng một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 với diện tích theo kết quả đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân là 11.604,4². Ông yêu cầu ông Đồng Văn T trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng ông T không thực hiện.

Do vậy, ông Nguyễn Cảnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đồng Văn T phải trả lại cho ông H diện tích đất lấn chiếm là 11.604,4², thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 516.590m², tọa lạc tại thôn Suối Máu, xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng, do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân (cũ) cấp Giấy chứng nhận số V 211830 ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P, đăng ký chuyển quyền cho ông ngày 20/4/2018.

Bị đơn ông Đồng Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Cảnh H cho rằng ông lấn chiếm đất của ông Nguyễn Cảnh H là không đúng. Diện tích đất ông H tranh chấp là do vợ chồng ông phát rẫy khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1998 cho đến nay. Ông T đã canh tác sử dụng trồng bắp, mỳ và sau này là cây bạch đàn từ khi khai phá đến nay không có ai tranh chấp cũng như chưa hề biết ông Nguyễn Cảnh H. Vì vậy, việc ông H khởi kiện buộc vợ chồng ông T giao trả diện tích đất 11.604,4m² thì ông không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L là vợ hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số V 211830 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 24/7/2002 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 với diện tích 516.590m² là tài sản chung của vợ chồng bà được tạo lập trong thời kì hôn nhân. Nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng từ ông Bùi P vào năm 2018.

Bà Liên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H, buộc vợ chồng ông Đồng Văn T trả lại diện tích đất lấn chiếm cho vợ chồng bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, điểm a khoản 3 Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 117, Điều 119, Điều 123, Điều 164 của Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, Điều 100, khoản 5 Điều 166, Điều 167, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 21 và Điều 25 của Pháp lệnh số: 05/2024/ PL-UBTVQH15 ngày 11/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí tố tụng;

- Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H về việc “*Tranh chấp đất đai*” với ông Đồng Văn T.

1. Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị T1 trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L diện tích đất 11.604,4m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thôn Suối Máu, xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo Mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân duyệt ngày 21/3/2023 (*Kèm theo bản án*).

Ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị Kim L phải có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sở hữu toàn bộ số cây bạch đàn tái sinh trên diện tích đất 11.604,4m².

3. Ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L phải hoàn trả cho ông Đồng Văn T, bà Trần Thị T1 toàn bộ số cây bạch đàn tái sinh trên đất diện tích đất

11.604,4m² với tổng số tiền 48.417.305 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm mười bảy ngàn ba trăm lẻ năm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/10/2025, bị đơn ông Đồng Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Đồng Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày: Nguồn gốc diện tích đất là do bà khai phá, trong thời gian đó thì ông T đi rừng nhưng có cùng bà phát dọn cây và khai phá được diện tích đất như hiện nay. Quá trình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Văn T và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn hạn cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm thì ông Đồng Văn T không có mặt và đến ngày 14/10/2025, ông Đồng Văn T nhận được Bản án sơ thẩm; ngày 24/10/2025, bị đơn ông Đồng Văn T làm đơn kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật có tranh chấp và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Ngày 04/4/1991, Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân đã có Quyết định số 540/QĐ/UB-HT giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P1 diện tích 425 ha để quản lý và sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung. Sau khi nhận đất và trồng cây được một thời gian thì ông Lê Hạnh P1 không có nhu cầu sử dụng nên ông Bùi P sử dụng diện tích là 516.590m² trong tổng diện tích đất được giao 425 ha nêu trên. Năm 2002, diện tích đất trên của ông Bùi P được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 ngày 24/7/2002. Tại Công văn số 3562/UBND-TNMT ngày 25/9/2024 và Công văn số 339/UBND-TNMT ngày 23/01/2025 của UBND huyện Hàm Tân xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 là đúng trình tự thủ tục và cấp đúng đối tượng. Nội dung phúc đáp phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân cung cấp. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Phù thì đất không có tranh chấp và Quyết định số 540/QĐ/UB-HT ngày 04/4/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân vẫn còn hiệu lực nên việc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P là đúng quy định.

[2.2]. Ngày 24/3/2018, ông Bùi P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 211830 cho ông Nguyễn Cảnh H, hợp đồng được Văn phòng Công chứng Hàm Thuận Nam công chứng theo đúng quy định của pháp luật về công chứng và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân đăng ký, cập nhật sang tên cho ông Nguyễn Cảnh H vào ngày 20/4/2018.

[2.3]. Theo bị đơn ông Đồng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày thì nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình ông T, bà T1 khai phá phát rẫy sử dụng ổn định từ năm 1998 cho đến nay nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, diện tích đất nêu trên đã được UBND huyện Hàm Tân giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P1 để sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung từ năm 1991, sau khi được giao đất thì ông P và ông Pc đã trồng rừng gồm cây Bạch đàn và cây Keo, đến năm 1994 thì đã có đơn xin khai thác rừng trồng, đồng thời đến năm 1999 thì do cây trồng bị chặt đốn nên ông P và ông P1 cũng đã có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra.

Như vậy, việc ông T, bà T1 khai nguồn gốc đất do khai phá là không phù hợp, bởi lẽ toàn bộ diện tích đất diện tích 425 ha tại khu vực này đã được Ủy ban

nhân dân huyện Hàm Tân có Quyết định số 540/QĐ/UB-HT ngày 04/4/1991 giao cho ông Bùi P và ông Lê Hạnh P1 để quản lý và sử dụng vào mục đích trồng cây kinh tế bạch đàn tập trung đến năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi P diện tích là 516.590m² trong tổng diện tích đất được giao 425ha nêu trên nên ông T, bà Thông không thể khai phá trên phần đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho người khác đang quản lý, sử dụng. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì cũng không có ai tranh chấp gì nên lời trình bày của ông T, bà T1 là không có căn cứ để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và đo đạc đất tranh chấp thì diện tích đất tranh chấp là 11.604,4m² được xác định nằm hoàn toàn trong Giấy chứng nhận số V 211830 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 24/7/2002 cho hộ ông Bùi P.

[2.4]. Về tài sản trên đất: Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp đã xác định được tài sản trên toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp là cây bạch đàn tái sinh từ 02 đến 03 năm tuổi, do bị đơn tạo lập. Xét thấy, các tài sản này bị đơn tạo lập trái phép trên đất của nguyên đơn, lẽ ra cần buộc bị đơn phải di dời toàn bộ tài sản này để trả lại đất cho nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý nhận lại số cây bạch đàn tái sinh trên đất tranh chấp và hoàn trả giá trị tài sản cho bị đơn theo giá của Hội đồng định giá. Việc nguyên đơn nhận tài sản trên đất và hoàn lại giá trị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì bị đơn cho rằng việc định giá là chưa đúng theo mật độ cây trồng nhưng tại cấp sơ thẩm và quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng không yêu cầu định giá lại nên không có căn cứ để xem xét.

[2.5]. Từ những phân tích trên có thể khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi P là đúng quy định, ông P chuyển nhượng cho ông Nguyễn Cảnh H là đảm bảo đúng pháp luật nên Ông H là người sử dụng đất hợp pháp nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Cảnh H buộc ông T, bà T1 trả lại diện tích đất lấn chiếm, Ông H, bà Liên thanh toán lại giá trị cây trồng và được sở hữu cây trồng trên đất là có căn cứ và đúng pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm thì ông Đồng Văn T không có tài liệu, chứng cứ gì khác nên kháng cáo của ông T là không có căn cứ để chấp nhận như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H được chấp nhận nên ông Đồng Văn T và bà Trần Thị T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Đồng Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đồng Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng.

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 119, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 12, Điều 26, Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 26, Điều 37, Điều 45 Luật Đất đai năm 2024;

Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H;

1. Buộc ông Đồng Văn T và bà Trần Thị T1 trả lại cho ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L diện tích đất 11.604,4m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Hàm Tân, tỉnh Lâm Đồng) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo Mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân duyệt ngày 21/3/2023 (*Kèm theo bản án*).

2. Ông Nguyễn Cảnh H, bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sở hữu toàn bộ số cây bạch đàn tái sinh trên diện tích đất 11.604,4m² (được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo Mảnh trích đo hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân duyệt ngày 21/3/2023).

3. Ông Nguyễn Cảnh H và bà Nguyễn Thị Kim L phải hoàn trả cho ông Đồng Văn T, bà Trần Thị T1 giá trị toàn bộ số cây bạch đàn tái sinh trên đất diện tích đất 11.604,4m² với tổng số tiền 48.417.305 đồng (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm lẻ năm đồng*).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Đồng Văn T và bà Trần Thị Thông phải nộp 7.356.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả cho ông Nguyễn Cảnh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ông Đồng Văn T được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Cảnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Cảnh H số tiền 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007066 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân (nay là Phòng Thi hành án khu vực 15 - Lâm Đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/12/2025)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Khu vực 15;
- Phòng THADS khu vực 15;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Anh Dũng